

Số: /2026/VBHN-QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước
trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính¹

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành²

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy chế Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

b) Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 13 tháng 05 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau thành lập.

c) Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

(1) Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

(2) Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

Điều 5. Điều khoản thi hành

1...

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh Vĩnh Long; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Lưu: VT, KTTH, NTDT.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trúc Sơn

QUY CHẾ³

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan chức năng gồm:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Vĩnh Long.
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Vĩnh Long.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định

(3) Quy chế này được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2026.

của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi thuộc lĩnh vực quản lý tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý với nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh là Phòng Phát triển doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở Tài chính và Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

8. Giấy chứng nhận là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Tạo điều kiện đảm bảo cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, đồng thời tăng cường trách nhiệm giám sát các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

4. Góp phần xây dựng, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng; tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp quản lý

1. Kịp thời phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan trong tiếp cận các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật theo quy định pháp luật.

2. Mỗi cơ quan chức năng chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được giao. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp, tránh chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và các giấy phép, chứng nhận ngành nghề có điều kiện theo quy định pháp luật;

2. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác;

3. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 7. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được cung cấp, chia sẻ⁴

1. Thông tin doanh nghiệp

a) Thông tin về cấp mới, thay đổi, thu hồi, chấm dứt hoạt động của giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp kể từ ngày ghi nhận trên hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Thông tin về tình hình nộp thuế trong hồ sơ khai thuế; thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu trong hồ sơ hải quan; báo cáo tài chính;

c) Thông tin về số lượng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; nợ, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp;

d) Thông tin về tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp;

đ) Thông tin về tình hình đầu tư của doanh nghiệp;

e) Các thông tin về công nghệ, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và các thông tin khác của doanh nghiệp.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm chia sẻ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền

3. Thông tin hộ kinh doanh

a) Tên hộ kinh doanh;

b) Mã số hộ kinh doanh;

c) Địa chỉ trụ sở;

d) Ngành, nghề kinh doanh;

e) Họ tên chủ hộ kinh doanh;

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Đối với đăng ký doanh nghiệp

(4) Điều 7 này được sửa đổi, bổ sung theo Điều 1 của Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2026

a) Định kỳ vào tuần thứ hai hàng tháng, Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp danh sách doanh nghiệp về các thông tin phát sinh của tháng trước đó cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao qua hệ thống quản lý văn bản điều hành và hộp thư điện tử công vụ của đầu mối phối hợp (thông tin cá nhân và hộp thư điện tử công vụ đầu mối) do đơn vị cung cấp.

b) ⁵ Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh; họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thành lập mới, thay đổi, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động; Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

2. Đối với đăng ký hộ kinh doanh

a) Định kỳ vào tuần thứ hai hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp danh sách hộ kinh doanh phát sinh của tháng trước đó cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh qua hệ thống quản lý văn bản điều hành và hộp thư điện tử công vụ của đầu mối phối hợp (thông tin cá nhân và hộp thư điện tử công vụ đầu mối) do đơn vị cung cấp.

b) Nội dung thông tin đăng ký hộ kinh doanh công khai gồm: Tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; tên đại diện hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; hộ kinh doanh thành lập mới, thay đổi, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong khai thác, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Đối với đăng ký doanh nghiệp

a) Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài chính định kỳ hàng tháng đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan khác có liên quan tiến hành kiểm tra, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

2. Đối với đăng ký hộ kinh doanh

(5) Điểm b khoản 1 Điều 8 này được sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 của Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2026.

a) Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh địa bàn xã/phường mình phụ trách.

b)⁶ Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hàng tháng đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh với thông tin do cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu chủ hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

Trường hợp cần xác định rõ hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp trao đổi, cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin⁷

1. Cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh quản lý, chia sẻ kết nối thông tin về doanh nghiệp, thông tin về hộ kinh doanh giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan quản lý thuế tại địa phương và theo yêu cầu của cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

(6) Điểm b khoản 2 Điều 9 này được sửa đổi, bổ sung theo Điều 3 của Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2026.

(7) Điều 10 này được sửa đổi, bổ sung theo Điều 4 của Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2026.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối cập nhật, công khai thông tin của doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thời hạn và nội dung công khai thông tin của doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phối hợp xử lý doanh nghiệp vi phạm.

2. Thuế tỉnh Vĩnh Long theo chức năng, nhiệm vụ công khai danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh; đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế. Định kỳ tuần thứ hai hàng tháng, Thuế tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính về danh sách doanh nghiệp đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 (một) năm liên tục không thông báo, vi phạm các quy định về đăng ký thuế; thông báo bằng văn bản cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về tình trạng các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế vi phạm quy định về đăng ký thuế, các doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đã đăng ký, các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động kinh doanh 01 (một) năm liên tục mà không thông báo, các doanh nghiệp đã đóng mã số thuế; đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có phát sinh thông tin các doanh nghiệp có đặt trụ sở trên địa bàn). Thuế cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ kinh doanh đóng mã số thuế, không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, tạm ngừng hoạt động kinh doanh 06 tháng liên tục mà không thông báo; hộ kinh doanh vi phạm các quy định về đăng ký thuế.

3. Các cơ quan chức năng khác có trách nhiệm tổ chức công khai thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh và đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp có hành vi vi phạm, đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành, bảo đảm đúng thẩm quyền và thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan mình. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, tên đại diện hộ kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp xã phối hợp xác minh thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; phát hiện và báo cáo danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh, theo dõi, đôn đốc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện quyết định xử lý vi phạm.

5. Định kỳ hàng tháng, các cơ quan chức năng tại Điều 2 Quy chế này thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở các thông tin tại Điều 7 Quy chế này

6. Hàng năm, trên cơ sở danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm rà soát doanh nghiệp, hộ kinh doanh có ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực mình phụ trách nhưng doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đảm bảo điều kiện kinh doanh theo quy định thì có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh để phối hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh giữa các cơ quan chức năng tại Điều 2 Quy chế này thực hiện bằng hình thức gửi bằng bản giấy hoặc hệ thống quản lý văn bản điều hành và hộp thư điện tử công vụ của đầu mối phối hợp. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua mạng điện tử kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh; trên trang Thông tin điện tử của Sở Tài chính và của các đơn vị.

3. Kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc.

Chương III

PHỐI HỢP THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 13. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và sử dụng lao động thường xuyên của hộ kinh doanh

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp,

hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Định kỳ hàng năm các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm đề xuất bằng văn bản danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh cần thanh tra, kiểm tra gửi Thanh tra tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm sau liền kề.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cơ sở đề xuất của các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thanh tra.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cơ sở đề xuất của các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi kiểm tra.

4. Trong năm, khi phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc cần thanh tra, kiểm tra chuyên đề thì các cơ quan theo quy định tại Điều 2 Quy chế này có văn bản đề xuất gửi Thanh tra tỉnh và Sở Tài chính tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thanh tra, kiểm tra chuyên đề sau khi kế hoạch thanh tra, kiểm tra được phê duyệt.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao một đơn vị làm trưởng đoàn, các đơn vị liên quan cử công chức, viên chức tham gia làm thành viên đoàn. Kết luận thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo pháp luật về hoạt động kiểm tra chuyên ngành hiện hành.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao một đơn vị làm trưởng đoàn, các đơn vị liên quan cử công chức, viên chức tham gia làm thành viên đoàn. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì thực hiện thanh tra, kiểm tra theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải thực hiện quy trình thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận phải được thể hiện bằng văn bản.

a) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý các vi phạm của cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh.

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh thông tin của người thành lập doanh nghiệp đó.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 07 ngày làm việc.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận, cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh cùng cấp để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo pháp luật chuyên ngành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành để xử lý.

Chương IV

PHỐI HỢP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 18. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Định kỳ 06 tháng (trước ngày 05 tháng 7) và hàng năm (trước ngày 15 tháng 01 năm sau liền kề), các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này; đồng thời đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

2. Thanh tra tỉnh tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b (trừ nhiệm vụ kiểm tra) khoản 2 Điều 18 Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm; đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; chủ trì, phối hợp các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này trong việc tổ chức tuyên truyền, thực hiện Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phối hợp, xây dựng, quản lý vận hành Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia, cập nhật những thông tin vi phạm của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia; quản lý, tổ chức thực hiện cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý doanh nghiệp và dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhằm có cơ sở đánh giá tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hạn chế tối đa tình trạng doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, bỏ trốn khỏi địa chỉ đăng ký hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

2. Thuế tỉnh Vĩnh Long.

a) Rà soát, đối chiếu doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký mã số với danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận; cung cấp thông tin về doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đăng ký quá 01 năm, hộ kinh doanh quá 06 tháng không thông báo với cơ quan thuế.

b) Cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh, công khai danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

c) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể; chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động đúng thời gian quy định.

d) Triển khai thực hiện quy định của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế; trong đó chú trọng đến một số đối tượng: (1) Các doanh nghiệp trong nước và nhất là các doanh nghiệp nước ngoài có chuyển nhượng vốn, mua bán cổ phần, thay đổi chủ sở hữu. (2) Các doanh nghiệp đã bỏ trốn, mất tích tồn đọng từ nhiều năm nay. (3) Các doanh nghiệp nhiều lần thay đổi trụ sở, thay đổi người đại diện theo pháp luật. (4) Các doanh nghiệp phát sinh doanh thu lớn bất thường. (5) Một người làm chủ, làm giám đốc nhiều công ty và có hoạt động sản xuất, kinh doanh phức tạp. (6) Các đối tượng thành lập doanh nghiệp có thể lợi dụng chính sách thông thoáng của nhà nước để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng.

đ) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế; danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề nghị thu hồi mã số doanh nghiệp hoặc không hoạt động ở nơi đăng ký trụ sở chính để phối hợp xử lý vi phạm.

e) Khi Doanh nghiệp thực hiện các thủ tục giải thể hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, cơ quan Thuế quản lý có trách nhiệm trả kết quả trên hệ thống thông tin điện tử liên thông, đảm bảo đúng thời hạn quy định, để Cơ quan Đăng ký kinh doanh hoàn tất hồ sơ cho doanh nghiệp. Trường hợp cơ quan Thuế không đảm bảo thời hạn theo quy định người đứng đầu cơ quan Thuế phải chịu

trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải quyết hồ sơ và việc tuân thủ pháp luật về thuế.

3. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành và tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình điều tra, xử lý các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc xác định tư cách pháp nhân của tổ chức, nhân thân của người thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp pháp nhân, cá nhân đến từ nước ngoài.

4. Thanh tra tỉnh

Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, phối hợp quản lý doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

b) Định kỳ hàng tháng, cung cấp thông tin về doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trong khu công nghiệp, khu kinh tế cho Sở Tài chính và các cơ quan chức năng có liên quan nếu có phát sinh những trường hợp sau: (1) Doanh nghiệp đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, (2) Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư.

c) Hàng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra các doanh nghiệp có dự án đầu tư tại các Khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp.

6. Các cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, nhằm nâng cao nhận thức đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, từ đó thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành.

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh, xử lý các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

d) Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành và thông tin cung cấp từ các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, các tổ chức, cá nhân khác.

đ) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo ngành cấp 4 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp; tham gia quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xác minh nội dung đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo đề nghị của Sở Tài chính.

c) Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã định kỳ gửi danh sách hộ kinh doanh đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Sở Tài chính. Đồng thời gửi danh sách đến Ủy ban nhân dân cấp xã để có thông tin phối hợp theo dõi tình hình hoạt động và đôn đốc hộ kinh doanh có trụ sở trên địa bàn thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Kinh phí triển khai, thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

1. Các cơ quan chức năng tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Khi có thay đổi danh sách cán bộ đầu mối phối hợp (thông tin cá nhân

và hộp thư điện tử công vụ) thì các đơn vị phải có thông báo ngay bằng văn bản gửi đến các cơ quan có thẩm quyền liên quan để thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kịp thời phục vụ cho công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.